

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

NGUYỄN HUYỀN TRANG

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI KIỀU DÂN VÀ CÔNG DÂN
Ở NƯỚC NGOÀI CỦA TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ, HÀN QUỐC
VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 9310206

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS.TS. Vũ Dương Huân
2. PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh

Phản biện 1:

Phản biện 2

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp học viện họp tại Học viện Ngoại giao
vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu Luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Ngoại giao

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Sau chiến tranh Lạnh, quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa diễn ra ngày một mạnh mẽ đã tạo động lực và điều kiện cho người dân của một quốc gia, khu vực di cư tới một quốc gia hay khu vực khác. Xu hướng này cũng thúc đẩy hội nhập và làm gia tăng nhu cầu phát triển kinh tế của các quốc gia. Trước tình hình đó, cộng đồng di dân được đánh giá là nguồn lực nhiều tiềm năng đối với nước sở tại và quê hương. Thực tế, một số quốc gia đã và đang triển khai những chính sách nhằm phát huy đóng góp của nguồn lực kiều dân và công dân ở nước ngoài đối với đất nước và đạt được nhiều thành công. Tại châu Á, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc là những trường hợp điển hình.

Đối với Việt Nam, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là nguồn vốn tiềm năng về tài chính, kiến thức, kinh nghiệm và quan hệ ở nước cư trú. Việt Nam cũng đã ban hành một số chủ trương, chính sách về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, tuy nhiên, công tác hoạch định và triển khai chính sách của Việt Nam vẫn tồn tại một số bất cập, khiến kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng.

Thực tế này đặt ra cho Việt Nam một nhu cầu cấp thiết cần hoạch định và triển khai một chiến lược toàn diện nhằm gắn kết hơn nữa và thu hút sự tham gia của đội ngũ NVNONN phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Để thực hiện mục tiêu đó, việc nghiên cứu chính sách đối với kiều dân và công dân ở ngoại quốc của những quốc gia thành công trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia cùng khu vực là một vấn đề cần thiết và cấp thiết.

Do đó, tác giả lựa chọn “Chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc và hàm ý cho Việt Nam” làm đề tài Luận án của mình.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1. Về vấn đề kiều dân, công dân ở nước ngoài và các lý thuyết liên quan

Các tác phẩm nổi bật có thể kể đến là sách *Global diaspora strategies toolkit: Harnessing the power of global diasporas* (Công cụ chiến lược đối với cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài toàn cầu: Khai thác sức mạnh của cộng đồng toàn cầu) của K. Aikins và N. White, Diaspora Matters Impress Print, năm 2011, nghiên cứu *Diasporas and International Relations Theory* (Kiều dân và công dân ở nước ngoài và lý thuyết quan hệ quốc tế) của Yossi Shain và Aharon Barth, đăng tại Tạp chí International Organization năm 2003, sách *Diaspora and Transnationalism: Concepts, Theories and Methods* (Kiều dân và công dân ở nước ngoài và Chủ nghĩa xuyên quốc gia: Các khái niệm, lý thuyết và phương pháp) của Rainer Baubock và Thomas Faist, năm 2010, nghiên cứu *Diaspora Economics: New Perspectives* (Vấn đề kinh tế liên quan đến cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài: Những quan điểm mới) của Amelie F. Constant và Klaus F. Zimmermann, đăng tại tạp chí International Journal of Manpower năm 2016; báo cáo *DDI: Direct Diaspora Investment- The Untapped Resource for Development* (DDI: Đầu tư trực tiếp của người cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài - Nguồn lực để phát triển chưa được khai thác) do Michael Ardovino và Thomas Debass viết phục vụ Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ USAID, năm 2009; báo cáo *Engaging Diasporas as Development Partners for Home and Destination Countries: Challenges for Policymakers* (Thu hút cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài với tư cách là Đối tác phát triển cho các quốc gia về quê hương và sở tại: Những thách thức đối với các nhà hoạch định chính sách) do Dina Ionescu viết phục vụ Tổ chức Di cư Quốc tế IOM, năm 2006; báo cáo *Beyond Remittances: The Role of Diaspora in Poverty Reduction in their Countries of Origin* (Ngoài Kiều hối: Vai trò của cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài trong giảm nghèo

ở quốc gia quê hương của họ) do Kathleen Newland Patrick Erin viết phục vụ Viện chính sách di cư năm 2004.

2.2. Về chính sách của các quốc gia đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài

2.2.1. Về chính sách đối với người Hoa ở nước ngoài của Trung Quốc

Các tác phẩm nổi bật trong vấn đề này là nghiên cứu *Greater China and the Chinese Overseas* (Đại Trung Hoa và người Hoa ở nước ngoài) của Gungwu Wang, đăng tại tạp chí *The China Quarterly* năm 1993, Chương *China's New Global Position: Changing Policies towards the Chinese Diaspora in the 21st Century* (Vị thế toàn cầu mới của Trung Quốc: Thay đổi chính sách đối với cộng đồng người Hoa ở nước ngoài trong thế kỷ 21) của Mette Thunø, trong sách *China's Rise and the Chinese Overseas* (Sự trỗi dậy của Trung Quốc và người Hoa ở nước ngoài), NXB Routledge, năm 2018, nghiên cứu *Chinese Overseas and a Rising China: The Limits of a Diplomatic "Diaspora Option"* (người Hoa ở nước ngoài và một Trung Quốc đang trỗi dậy: Các giới hạn của một "Lựa chọn kiều dân và công dân ở nước ngoài" mang tính ngoại giao) của Hong Liu, trong cuốn *China and International Relations: The Chinese View and the Contribution of Wang Gungwu* (Trung Quốc và quan hệ quốc tế: Quan điểm của Trung Quốc và đóng góp của Wang Gungwu), NXB Routledge, năm 2010, bài viết *China's Diaspora Policies as a New Mode of Transnational Governance* (Các chính sách dành cho người Hoa ở nước ngoài của Trung Quốc như một phương thức mới của quản trị xuyên quốc gia) của Hong Liu và Van Dongen đăng tại tạp chí *Contemporary China*, năm 2016, Nghiên cứu *Diaspora Policies, Consular Services and Social Protection for Chinese Citizens Abroad* (Chính sách đối với cộng đồng người Hoa ở nước ngoài, dịch vụ lãnh sự và bảo trợ xã hội cho công dân Trung Quốc ở nước ngoài) của Elena Barabantseva và Tao Wang, trong sách *Migration and Social Protection in Europe and Beyond, A Focus on Non-EU Sending States* (Di cư và Bảo trợ xã hội ở Châu Âu và hơn thế nữa, Tập trung vào các

quốc gia không thuộc Liên minh Châu Âu), NXB Springer, năm 2020.

2.2.2. Về chính sách đối với Người Ấn ở nước ngoài của Ấn Độ

Các nghiên cứu nổi bật là tác phẩm *India and its Diaspora. Changing Research and Policy Paradigms* (Ấn Độ và cộng đồng người Ấn ở nước ngoài. Thay đổi mô hình nghiên cứu và chính sách) trong sách *National Paradigms of Migration Research* (Mô hình Quốc gia về Nghiên cứu Di cư), NXB V&R Unipress, năm 2009, bài viết *India's policy towards its diaspora: continuity and change* (Chính sách của Ấn Độ đối với cộng đồng người Ấn ở nước ngoài: kế thừa và thay đổi) của Aparajita Gangopadhyay đăng tại tạp chí *India Quarterly*, năm 2005, nghiên cứu *India's Transformation to Knowledge-based Economy – Evolving Role of the Indian Diaspora* (Sự chuyển đổi của Ấn Độ sang nền kinh tế dựa trên tri thức - Vai trò nổi lên của cộng đồng người Ấn ở nước ngoài) của Richard Devane và các cộng sự năm 2004, tác phẩm *Diaspora as Soft Power: A Case Study of Indian Diaspora in the US* (Kiều dân và công dân ở nước ngoài với tư cách là Quyền lực mềm: Một nghiên cứu điển hình về cộng đồng người Ấn ở Mỹ) của tác giả Kamni Kumari năm 2016, báo cáo *Working with the Diaspora for Development, Policy Perspectives from India* (Cộng tác với người Ấn ở nước ngoài để phát triển, quan điểm chính sách của Ấn Độ) của Alwyn Didar Singh, năm 2012, Nghiên cứu *The Other NRIs: The case of low wage Indian migrants in the Gulf* (Những Ấn không định cư khác: Trường hợp người Ấn Độ ở vùng Vịnh lương thấp) của Laavanya Kathiravelu trong sách *Indian and Chinese Immigrant Communities: Comparative Perspectives* (Cộng đồng nhập cư người Ấn Độ và Trung Quốc: Quan điểm so sánh), NXB Cambridge University Press năm 2015.

2.2.3. Về chính sách đối với người Hàn ở nước ngoài của Hàn Quốc

Những nghiên cứu tiêu biểu về chủ đề này là nghiên cứu *Engaging the diaspora in an era of transnationalism: South Korea's engagement with its diaspora can support the country's development* (Tương tác với cộng đồng ở nước ngoài trong kỷ nguyên chủ nghĩa xuyên quốc

gia: Sự gắn kết của Hàn Quốc với cộng đồng người Hàn ở nước ngoài có thể hỗ trợ sự phát triển của đất nước) đăng tại tạp chí điện tử IZA World of Labor của Changzoo Song, năm 2014, Nghiên cứu *Explaining South Korea's Diaspora Engagement Policies* (Giải thích về Chính sách gắn kết với cộng đồng người Hàn ở nước ngoài của Hàn Quốc) của Timothy Lim và Dong-Hoon Seol đăng tại tạp chí Development and Society, năm 2018, nghiên cứu *How South Korea Builds its Soft Power in Latin America, Learning Lessons From its Diaspora Outreach in Russia and Central Asia* (Cách Hàn Quốc xây dựng sức mạnh mềm của mình ở Mỹ Latinh, học bài học từ cách tiếp cận cộng đồng người Hàn ở Nga và Trung Á) của Victoria Kim đăng tại Central Asia Program, năm 2021, sách chuyên khảo *Thu hút kiều dân trình độ cao để phát triển khoa học và công nghệ: Lý luận chung, thực tiễn Hàn Quốc và hàm ý cho Việt Nam* của Phạm Mạnh Hùng, NXB Khoa học Xã hội năm 2019.

2.2.4. Về hàm ý chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài cho Việt Nam

Các nghiên cứu nổi bật là sách *Về người Việt Nam ở nước ngoài*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1990 của Nguyễn Ngọc Hà; sách *Người Việt Nam ở nước ngoài*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội năm 1997; sách *Chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị năm 2017 của Trần Thị Vui, sách *Người Việt Nam ở nước ngoài không chỉ có Việt kiều*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2008 của Trần Trọng Đăng Đàn; nghiên cứu *Cộng đồng và đội ngũ trí thức người Việt Nam ở một số nước Đông Âu những năm đầu thế kỷ 21* của Tiến sỹ Nguyễn Hà An, Đề tài cấp Bộ *Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài: Thực tiễn và cơ sở lý luận năm 2003* và Đề tài cấp Bộ *Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới giai đoạn từ nay đến 2020 vì sự nghiệp phát triển đất nước* năm 2008, Đề tài cấp Bộ *Nguồn lực trí tuệ của cộng đồng NVNONN và định hướng tranh thủ*

nguồn lực đó để bảo vệ và phát triển đất nước năm 2017, báo cáo *The Vietnamese Diaspora in Australia: Current and Potential Links with the Homeland* (Cộng đồng người Việt Nam tại Úc: Mối liên hệ hiện tại và tiềm năng với Tổ quốc) của Danny Ben-Moshe, Joanne Pyke và Liudmila Druzenko năm 2016, nghiên cứu *You Can Come Home Again: Narratives of Home and Belonging among Second-Generation Việt Kiều in Vietnam* (Bạn có thể trở về nhà một lần nữa: Những câu chuyện về quê hương và cuộc sống của những Việt Kiều thế hệ thứ hai ở Việt Nam) của Priscilla Koh đăng tại tạp chí *Sojourn: Journal of Social Issues in Southeast Asia* năm 2015, nghiên cứu *Diasporas' role in peacebuilding: the case of the vietnameseswedish diaspora* (Vai trò của cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài trong xây dựng hòa bình: trường hợp của cộng đồng người Thụy Điển gốc Việt) của Ashok Swain trong sách *The Security-Development Nexus: Peace, Conflict and Development* (Mối liên hệ giữa An ninh-Phát triển: Hòa bình, Xung đột và Phát triển), NXB Cambridge University Press năm 2012, nghiên cứu *Transnationalism from Below: Evidence from Vietnam-Taiwan Cross-Border Marriages* (Chủ nghĩa xuyên quốc gia: Bằng chứng về hôn nhân xuyên biên giới Việt Nam-Đài Loan) của Danièle Bélanger và Hong-zen Wang đăng tại tạp chí *Asian and Pacific migration* năm 2012, nghiên cứu *Hybrid diaspora and identity laundering: a study of the return overseas Chinese Vietnamese in Vietnam* của Yuk Wah Chan đăng tại tạp chí *Asian Ethnicity* năm 2013.

Các nghiên cứu trên đã phân tích các chính sách đối với kiều dân và chỉ ra được tầm quan trọng của kiều dân trong đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Tuy nhiên, các nghiên cứu mà tác giả tiếp cận được chưa thực sự đi sâu phân tích nền tảng lý luận, thực tiễn của các quốc gia xây dựng chính sách và các yếu tố tác động đến mức độ thành công khi triển khai chính sách. Hơn nữa, các nghiên cứu chỉ dừng lại ở quy mô đơn lẻ, phân tích từng trường hợp cá biệt, chưa nghiên cứu so sánh chính sách giữa ba nước Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn

Quốc, chưa khái quát được bài học kinh nghiệm từ thực tiễn.

Với những nghiên cứu có liên quan tới cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và khuyến nghị cho Việt Nam, dù chính sách của các nước đã được tham khảo ở một số trường hợp nhưng chưa được phân tích sâu. Ngoài ra, ở hầu hết các trường hợp, cơ sở để áp dụng kinh nghiệm quốc tế áp dụng cho Việt Nam chưa được đề cập. Đây là những khoảng trống để tác giả tiếp tục nghiên cứu và làm sáng tỏ.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu: Làm rõ chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, đặc biệt là các đặc điểm của những hệ thống chính sách từ sau chiến tranh Lạnh, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và trên cơ sở đó đưa ra hàm ý cho Việt Nam về chính sách đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của các quốc gia điển hình là Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc;

- Phân tích và đánh giá những chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc từ sau chiến tranh Lạnh đến nay;

- Rút ra bài học kinh nghiệm và dựa trên đánh giá thực trạng công tác đối với NVNONN thời gian qua, dự báo xu hướng sắp tới, Luận án bước đầu đưa ra khuyến nghị cho Việt Nam trong hoạch định và triển khai chính sách đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong thời kỳ mới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Luận án lựa chọn đối tượng nghiên cứu là chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, từ đó đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

4.2.1. Về không gian:

Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc.

4.2.2. Về thời gian: Từ sau Chiến tranh Lạnh (1991) đến nay

4.2.3. Về nội dung:

Luận án tập trung phân tích, đánh giá chính sách, tác động của các chính sách gắn với nội dung huy động nguồn lực kiều dân đối với đất nước. Các chính sách khác sẽ được phân tích dưới góc độ là yếu tố tạo điều kiện, hỗ trợ cho các chính sách huy động nguồn lực. Ngoài ra, luận án cũng làm rõ thực trạng xây dựng và triển khai chính sách đối với NVNONN và đưa ra các kiến nghị hướng tới mục tiêu phát huy hiệu quả hơn nữa những đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cho đất nước.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận khoa học của Chủ nghĩa Mác – Lênin, trước hết là duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa tự do, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, quan điểm của Đảng về công tác dân vận và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Dựa trên các luận điểm phương pháp luận, Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác nhau như phương pháp phân tích tổng hợp, đặc biệt là phương pháp phân tích chính sách, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp so sánh, phương pháp phỏng vấn chuyên gia, phương pháp phân tích tổng hợp, đặc biệt là phân tích chính sách, lịch sử - logic, phương pháp so sánh, tổng kết kinh nghiệm, thống kê, dự báo, đánh giá, khảo cứu các công trình nghiên cứu đã thực hiện, kết quả khảo sát tại một số địa bàn, tài liệu, kết luận của các hội nghị, hội thảo về người Việt Nam ở nước ngoài.

Cách tiếp cận của luận án là cách tiếp cận kết hợp lý luận với kinh nghiệm thực tiễn; cách tiếp cận liên ngành, đa ngành.

6. Những đóng góp của luận án

Về ý nghĩa khoa học, Luận án bổ sung một nghiên cứu mới về vấn đề kiều dân và công dân ở nước ngoài, qua đó đóng góp cho nghiên cứu chính sách đối với NVNONN nói riêng và chính sách đối ngoại

Việt Nam nói chung.

Về ý nghĩa thực tiễn, luận án hướng tới rút ra các bài học kinh nghiệm trong hoạch định và triển khai chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài từ thực tiễn quốc tế tại Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, kết hợp với đánh giá chính sách, tình hình triển khai chính sách đối với NVNONN, để bước đầu đưa ra hàm ý chính sách nhằm phát huy vai trò của cộng đồng NVNONN trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu và giảng dạy về quan hệ quốc tế cũng như cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ cho công tác tham mưu hoạch định, xây dựng chính sách đối ngoại nói chung và các chính sách liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài nói riêng.

7. Kết cấu của luận án

Phần Nội dung của Luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về kiều dân và công dân ở nước ngoài;

Chương 2: Nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc;

Chương 3: Nhận xét và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHÍNH SÁCH KIỀU DÂN VÀ CÔNG DÂN Ở NƯỚC NGOÀI

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Các khái niệm

1.1.1.1. Kiều dân và công dân (của một nước) ở nước ngoài

“Kiều dân theo nghĩa rộng” có thể hiểu là những người phân tán từ quốc gia gốc sang một hoặc nhiều nước khác, mà vẫn duy trì tình cảm cộng đồng xuyên quốc gia với quốc gia gốc của họ. Kiều dân theo nghĩa rộng được định nghĩa dựa trên “cảm giác thuộc về hơn là lịch sử, số lần đi về và nơi chốn, quá khứ và tương lai”.

Tương ứng, người Việt Nam ở nước ngoài, người Hoa ở nước ngoài, người Ấn ở nước ngoài, người Hàn ở nước ngoài là các thuật ngữ được sử dụng để đề cập tới cộng đồng kiều dân và công dân của Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc ở nước ngoài, không phụ thuộc vào quốc tịch.

1.1.1.2. Chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài

Chính sách đối với cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài bao gồm nhiều biện pháp của chính phủ nhằm thu hút, duy trì hoặc phát triển mối quan hệ với cộng đồng sống ở nước ngoài của họ.

Từ góc nhìn chiến lược, chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của một nước là một hoặc một loạt sáng kiến chính sách rõ ràng và có hệ thống nhằm phát triển và quản lý các mối quan hệ với cộng đồng của mình nước ngoài. Từ góc nhìn thu hút nguồn lực, chính sách đối với cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài là các sáng kiến nhằm huy động người di cư vì mục đích phát triển kinh tế và/ hoặc xây dựng quốc gia.

1.1.2. Các trường phái lý thuyết liên quan

1.1.2.1. Chủ nghĩa hiện thực

Một số nhà lý thuyết hiện thực coi kiều dân và công dân ở nước ngoài là bộ phận mở rộng của quốc gia gốc và có vai trò thúc đẩy lợi ích quốc gia của quê hương (Diamanti-Karanou 2015). Họ là một lực

lượng trong nền kinh tế toàn cầu có thể hỗ trợ nền kinh tế ở quê nhà, việc tận dụng được nguồn lực này là một yếu tố giúp quốc gia gốc nâng cao quyền lực.

1.1.2.2. Chủ nghĩa tự do

Chủ nghĩa tự do khẳng định những chủ thể chính trong chính trị quốc tế là cá nhân và các nhóm cá nhân mong muốn thúc đẩy những nhóm lợi ích khác nhau và nhà nước nên được hiểu là đại diện cho các liên minh lợi ích này (Shain and Barth 2003, 139). Từ góc nhìn này, cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài của một nước có thể đóng vai trò là nhóm lợi ích ảnh hưởng tới chính sách đối ngoại của cả quốc gia gốc và sở tại.

1.1.2.3. Chủ nghĩa kiến tạo

Theo góc nhìn của chủ nghĩa kiến tạo, cộng đồng kiều dân và công dân của một nước ở nước ngoài thích nghi với điều kiện của nước sở tại nhưng vẫn giữ mối liên hệ với quê hương, dẫn tới sự pha trộn về bản sắc (Ogden 2007), dẫn đến những phản ứng khác nhau của họ đối với cùng một chính sách. Do đó, chính sách tổng thể về công tác đối với kiều dân và cộng đồng mình ở nước ngoài cần đảm bảo phù hợp với đại đa số thành viên của cộng đồng và không loại trừ những chính sách đặc thù cho một số đối tượng đặc biệt.

1.1.2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Việt Nam về công tác đối với NVNONN

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác đối với NVNONN được thể hiện thông qua tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết đồng bào trong nước với kiều bào ở nước ngoài, khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc của người Việt Nam; đồng thời, vận động, chỉ đạo phong trào Việt kiều hoạt động đúng hướng.

Vận dụng tư tưởng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam chủ trương quy tụ và tập hợp những người con ưu tú ở nước ngoài phụng sự dân tộc, thể hiện trong Nghị quyết 36-NQ/TW năm 2004 về

công tác với NVNONN “NVNONN là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước”.

1.1.3. Khung phân tích chính sách

Luận án phân tích hệ thống chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc theo các góc độ:

- Định hướng chung về chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài;

- Chính sách tăng cường mối liên hệ giữa cộng đồng ở nước ngoài với quốc gia gốc;

- Chính sách đảm bảo lợi ích của cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài;

- Chính sách phát huy nguồn lực cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài đóng góp cho sức mạnh quốc gia.

- Ngoài ra, Luận án áp dụng các trường phái lý thuyết để đánh giá chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực sau chiến tranh Lạnh

Thứ nhất, trật tự thế giới mới dần được hình thành theo hướng đa cực với xu thế hòa bình ổn định, hợp tác cùng phát triển. Các nước có điều kiện để tiếp cận và nối lại quan hệ với cộng đồng kiều dân và công dân của mình ở nước ngoài.

Thứ hai, có một số nước nổi lên đáng chú ý, trong đó có Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc. Sự gia tăng về nội lực và vị thế của các quốc gia này một phần được đóng góp bởi cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài. Những nước này cũng tận dụng sức mạnh của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cộng đồng của mình ở hải ngoại.

Thứ ba, các nước tích cực thúc đẩy toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế,

kinh tế quốc tế, mở cửa thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài, trong đó, cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài là một bộ phận có nhiều đóng góp.

Thứ tư, thế giới vẫn xảy ra xung đột tại một số nơi, có một số vấn đề như khủng hoảng tài chính năm 2008, đại dịch COVID-19 từ năm 2019 đến nay, sự trở lại của chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân túy, gây ảnh hưởng tới làn sóng di cư và sự dịch chuyển nguồn vốn, tri thức của kiều dân và công dân ở nước ngoài của các nước trên thế giới.

Cùng với xu hướng chung của quốc tế, khu vực châu Á từ sau chiến tranh Lạnh duy trì môi trường hòa bình ổn định. Những vấn đề này thúc đẩy làn sóng di cư và sự dịch chuyển nguồn vốn, tri thức của kiều dân và công dân ở nước ngoài của các nước trên thế giới.

1.2.2. Thực trạng và đóng góp của cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc đối với quốc gia gốc

1.2.2.1. Trường hợp Trung Quốc: Hiện có khoảng hơn 60 triệu người Hoa ở nước ngoài, trong đó khoảng ba phần tư trú tại Đông Nam Á, đóng vai trò quan trọng đối với (một số) nước sở tại. Cộng đồng người Hoa ở nước ngoài bao gồm 3 bộ phận chính là người có quốc tịch Trung Quốc sinh sống ở nước ngoài (Hoa kiều), người gốc Trung Quốc mang quốc tịch nước ngoài (Hải ngoại Hoa nhân), những người di dân mới (sau những năm 1980).

Về sự đóng góp, trên phương diện kinh tế, khoản đầu tư từ người Hoa ở hải ngoại bù đắp cho sự sụt giảm đầu tư của phương Tây trong những năm hậu Thiên An Môn. Về chất xám, các nhà khoa học người Hoa ở nước ngoài đã, đang cống hiến cho nhà nước Trung Quốc những nghiên cứu đột phá ở các lĩnh vực công nghiệp và quân sự quan trọng. Về nguồn lực mềm, người Hoa đã góp phần phổ biến ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc ở nước sở tại, là nhân tố tác động tích cực tới quan hệ ngoại giao của nước này, đặc biệt với Mỹ, các nước ASEAN và phương Tây.

1.2.2.2. Trường hợp Ấn Độ: Hiện có hơn 32 triệu người Ấn ở nước

ngoài, gồm hơn 13 triệu người có quốc tịch Ấn Độ và gần 19 triệu người gốc, định cư ở 210 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Cộng đồng người Ấn ở nước ngoài được tổ chức bài bản, trong đó có nhiều người gắn bó với Ấn Độ thông qua việc gửi kiều hối và các hoạt động từ thiện.

1.2.2.3. Trường hợp Hàn Quốc: Hiện có hơn 7,3 triệu người Hàn cư trú ở nước ngoài, nhiều nhất ở Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Trung Á. Người Hàn ở nước ngoài gồm hai bộ phận, là người có quốc tịch Hàn Quốc sống tại nước ngoài và người nước ngoài gốc Hàn Quốc.

1.2.3. Chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc trước năm 1991

1.2.3.1. Chính sách của Trung Quốc: phương châm “làm yên lòng trước, sử dụng sau”, ban hành nhiều chính sách để bảo vệ quyền lợi cho người Hoa ở nước ngoài và các đối tượng liên quan, thành lập hệ thống văn phòng kiều vụ từ cấp Trung ương đến địa phương để phụ trách các công tác liên quan đến người Hoa ở nước ngoài. Các chính sách thu hút nguồn lực của người Hoa ở nước ngoài chủ yếu hướng tới kêu gọi đầu tư, kiều hối và các hình thức đóng góp về tài chính.

1.2.3.2. Chính sách của Ấn Độ: Trong một thời gian dài, đặc biệt là dưới thời Thủ tướng Nehru và Thủ tướng Indira Gandhi, Ấn Độ thờ ơ với vấn đề người Ấn ở nước ngoài. Đến những năm 1980, khi lượng kiều hối tăng lên nhanh chóng, chính phủ bắt đầu nhận ra tiềm năng kinh tế của người Ấn ở hải ngoại. Sau đó, Ban Điều phối Đặc biệt trong Bộ Ngoại giao năm 1985 được thành lập để giải quyết các vấn đề liên quan đến người Ấn Độ ở nước ngoài.

Về sự đóng góp, trên phương diện kinh tế, kiều hối, được coi là nguồn tài chính quan trọng và ổn định, có thể có ý nghĩa sâu sắc đối với tăng trưởng kinh tế. Trong khoa học công nghệ, đóng góp của người Ấn ở nước ngoài được cho là động lực quan trọng và không thể thiếu trong sự thành công của ngành công nghệ thông tin của Ấn Độ. Với vai trò là nguồn lực gia tăng sức mạnh mềm của Ấn Độ, người Ấn ở nước ngoài đã thúc đẩy quảng bá hình ảnh của quê hương ở nước sở tại và

là bộ phận vận động hành lang hiệu quả vì lợi ích của quê nhà.

1.2.3.3. Chính sách của Hàn Quốc: Từ những năm 1980 trở về trước, Hàn Quốc ít quan tâm đến người Hàn ở nước ngoài (Lie 2016), gần như không có nỗ lực chính thức nào để trực tiếp gắn kết với cộng đồng này. Thực trạng này tiếp diễn đến đầu những năm 1990, chính phủ Hàn Quốc mới bắt đầu coi cộng đồng người Hàn là một tài sản đặc biệt có giá trị.

Về sự đóng góp, trên phương diện kinh tế, người Hàn ở nước ngoài đóng góp cho quê hương thông qua kiều hối, đầu tư trực tiếp và kết nối đầu tư, thương mại gián tiếp. Về khoa học công nghệ, người Hàn ở nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong phát triển bứt phá thần tốc của ngành công nghiệp công nghệ cao của Hàn Quốc. Về nguồn lực mềm, người Hàn ở một số địa bàn cụ thể góp phần giúp Hàn Quốc thực hiện chính sách đối ngoại của cường quốc tầm trung.

1.2.4. Vị trí của chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc từ 1991 đến nay

1.2.5.1. Trung Quốc: Từ 1991 đến nay, chính sách đối ngoại của Trung Quốc được chia thành 3 giai đoạn chính là “Giấu mình chờ thời”, “Trỗi dậy hòa bình” và “Giấc mơ Trung Hoa”. Trong từng giai đoạn, định hướng chung về chính sách đối ngoại của Trung Quốc có ảnh hưởng tới chính sách của nước này đối với người Hoa ở nước ngoài.

1.2.5.2. Ấn Độ: Sau Chiến tranh lạnh (năm 1991), Ấn Độ điều chỉnh định hướng phát triển với mục tiêu đưa Ấn Độ trở thành một quốc gia hiện đại và hội nhập với nền kinh tế toàn cầu (Nguyễn Trần Xuân Sơn 2021). Chính sách đối ngoại của nước này, trong đó có vấn đề về người Ấn ở nước ngoài, theo đó cũng được thay đổi phục vụ mục tiêu này.

1.2.5.3. Hàn Quốc: Từ sau chiến tranh Lạnh tới nay, chính sách đối ngoại của Hàn Quốc duy trì một số đặc điểm chính là định hướng đối ngoại của quốc gia tầm trung, chính sách đối ngoại, trong đó có chính sách đối với người Hàn ở nước ngoài của nước này sẽ được điều chỉnh

theo mỗi thời kỳ Tổng thống.

Tiểu kết: Chương 1 phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài, xây dựng khung phân tích chính sách để áp dụng trong nghiên cứu các trường hợp ở chương 2.

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI KIỀU DÂN VÀ CÔNG DÂN Ở NƯỚC NGOÀI CỦA TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ VÀ HÀN QUỐC TỪ 1991 ĐẾN NAY

2.1. Mục tiêu và nội dung chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc từ 1991 đến nay

2.1.1. Mục tiêu và nội dung chính sách của Trung Quốc:

“Chung sống lâu dài, Giám sát lẫn nhau, Đối xử chân thành, Chia sẻ cả khi thuận lợi và khó khăn” giữa quê hương và cộng đồng ở hải ngoại.

2.1.2. Mục tiêu và nội dung chính sách của Ấn Độ:

Chủ động hơn để thu hút cộng đồng người nước ngoài vào quá trình phát triển của mình.

2.1.3. Mục tiêu và nội dung chính sách của Hàn Quốc:

Coi cộng đồng người Hàn ở nước ngoài là tài sản quốc gia quan trọng, gắn kết với cộng đồng người Hàn ở nước ngoài “một cách nghiêm túc, bền vững và có chủ đích”.

2.2. Triển khai chính sách tăng cường mối liên hệ giữa cộng đồng ở nước ngoài với quốc gia gốc

2.2.1. Trường hợp Trung Quốc: Ban hành và triển khai hệ thống chính sách thuộc các lĩnh vực cụ thể nhằm củng cố mối liên hệ của các thành viên trong cộng đồng ở nước ngoài, trong đó, chú trọng phát triển hội đoàn, tăng cường tri thức, tinh thần dân tộc trong cộng đồng.

2.2.2. Trường hợp Ấn Độ: Sử dụng sáu công cụ để tăng cường liên hệ với người Ấn ở nước ngoài, phương thức triển khai là sử dụng các biểu tượng văn hóa làm cầu nối tiếp cận, nhấn mạnh cảm giác thuộc về và

củng cố sự gắn bó với cộng đồng người Án ở hải ngoại.

2.2.3. Trường hợp Hàn Quốc: Ban hành chính sách nhằm củng cố cộng đồng ở nước ngoài và các chính sách về thông tin, giáo dục, văn hóa dành cho cộng đồng.

2.3. Triển khai chính sách đảm bảo lợi ích của cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài

2.3.1. Trường hợp Trung Quốc: Ban hành một số văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật và một số quy định chung để bảo vệ quyền và lợi ích của người Hoa ở nước ngoài và các đối tượng liên quan như lợi ích của kiều quy, kiều quyền, vấn đề quốc tịch và xuất nhập cảnh, quyền sở hữu nhà đất chế độ hưu trí.

2.3.2. Trường hợp Án Độ: Ban hành và triển khai chính sách liên quan đến quốc tịch, bảo hộ công dân, thúc đẩy phúc lợi cho cộng đồng người Án ở nước ngoài.

2.3.3. Trường hợp Hàn Quốc: Ban hành và triển khai chính sách về quốc tịch, quyền nhập cảnh, kinh doanh, sở hữu bất động sản, giao dịch tài chính, giao dịch ngoại hối, bảo hiểm y tế, phúc lợi dành cho cựu chiến binh gốc Hàn và thân nhân.

2.4. Triển khai chính sách phát huy nguồn lực cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài

2.4.1. Trường hợp Trung Quốc

2.4.1.1. Về nguồn lực kinh tế

- 1991 – 2012: tiếp tục ban hành các chính sách tạo thuận lợi cho người Hoa ở nước ngoài về nước đầu tư như bảo hộ về pháp luật, giảm thuế và giảm giá đất, triển khai sáng kiến chủ động kết nối các cộng đồng người Hoa ở nước ngoài với nhau ở cấp độ toàn cầu và thúc đẩy quan hệ giữa người Hoa ở nước ngoài với Trung Quốc.

- 2012 – nay: không chỉ kêu gọi sự tham gia của người Hoa ở nước ngoài một cách chung chung mà tập trung huy động nguồn lực cho cụ thể sáng kiến “Một vành đai, một con đường”.

2.4.1.2. Về nguồn lực tri thức

- 1991 – 2012: các chính sách thể hiện tinh thần “một tay cứng, một tay mềm”, cân bằng các nỗ lực “mềm” đối với cộng đồng chuyên gia, lưu học sinh nói chung với các hoạt động “cứng” nhằm vào các cá nhân nhất định.

- 2012 – nay: tiếp tục thu hút nhân tài người Hoa ở nước ngoài, khuyến khích chuyển giao công nghệ về Trung Quốc, tuy nhiên, không công bố thông tin về các chính sách và kết quả triển khai như trước.

2.4.1.3. Về nguồn lực mềm

Tăng cường sức mạnh mềm thông qua cộng đồng người Trung Quốc với tư cách là “nhà ngoại giao công chúng” như một cầu nối chính để thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa Trung Quốc với các nước, tạo ra một môi trường thân thiện để Bắc Kinh theo đuổi lợi ích quốc gia của mình, thúc đẩy các mục tiêu ủng hộ và tiết chế hoạt động chống Đảng Cộng sản Trung Quốc.

2.4.2. Trường hợp Ấn Độ

2.4.2.1. Về nguồn lực kinh tế: gồm hai loại chính sách chính là thể chế tạo thuận lợi, bảo vệ lợi ích của người Ấn ở nước ngoài khi hoạt động tại Ấn Độ và chính sách tài khóa cụ thể.

2.4.2.2. Về nguồn lực tri thức: Những năm đầu sau chiến tranh Lạnh, Ấn Độ xây dựng “ngân hàng não bộ/ tri thức” (brain bank) để ngăn chảy máu chất xám. Sau đó, Ấn Độ thay đổi cách tiếp cận sang hướng lợi từ quay vòng chất xám dẫn đến những thay đổi tích cực trong các nguyên tắc xây dựng khung chính sách.

2.4.2.3. Về nguồn lực mềm: Chính sách hướng tới huy động người Ấn ở nước ngoài hỗ trợ cho Ấn Độ trong thực thi các chính sách đối ngoại thông qua sức ảnh hưởng và vị thế của họ tại các quốc gia sở tại.

2.3.3. Trường hợp Hàn Quốc

2.3.3.1. Về nguồn lực kinh tế: thể chế hóa hai hội đoàn chính của doanh nhân người Hàn ở nước ngoài như những công cụ chiến lược nhằm huy động các nguồn lực của doanh nhân Hàn Quốc ở nước ngoài trên cơ sở hợp tác cùng có lợi.

2.3.3.2. *Về nguồn lực tri thức*: chính sách của Hàn Quốc bao gồm hai nội dung chính, là tạo cơ hội việc làm với mức lương đủ cao và các nhiệm vụ có tính thách thức để thu hút các nhà khoa học gốc Hàn Quốc ở các nước Âu Mỹ về nước giảng dạy và hợp tác nghiên cứu từ xa.

2.3.3.3. *Về nguồn lực mềm*: chính sách “viện trợ văn hóa” với những lợi ích về kinh tế và chính trị dành cho những người gốc Hàn có tầm ảnh hưởng ở sở tại để thúc đẩy chương trình nghị sự về kinh tế, xã hội và chính trị của Hàn Quốc.

2.5. Đánh giá chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc

2.5.1. Trung Quốc

Chính sách của Trung Quốc được xây dựng và triển khai trong thời gian dài, với hệ thống các văn bản và các chương trình, dự án cụ thể, trải dài từ cấp trung ương tới địa phương. Từ góc độ lợi ích, trọng tâm chính sách của Trung Quốc được điều chỉnh phù hợp với ưu tiên lợi ích quốc gia và chính sách đối ngoại trong từng giai đoạn. Từ góc độ bản sắc, kiều quy, kiều quyền và tân di dân là những đối tượng mang yếu tố đặc thù trong chính sách của Trung Quốc, ảnh hưởng tới nội dung ban hành chính sách và quyết định kết quả triển khai chính sách. Về các chính sách cụ thể của Trung Quốc, mỗi chính sách có những ưu, nhược điểm riêng, đem lại một số hiệu quả nhất định nhưng vẫn tồn tại một số bất cập.

2.5.2 Ấn Độ

Chính sách Ấn Độ được xây dựng và triển khai có hệ thống từ sau chiến tranh Lạnh tới nay. Từ góc độ lợi ích quốc gia, chính sách phản ánh những thay đổi về trọng tâm trong sự phát triển của nước này ở các giai đoạn khác nhau của lịch sử. Từ góc độ bản sắc, các chính sách của Ấn Độ còn bị ảnh hưởng bởi bản sắc của cộng đồng cũng như định hướng chung của chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Về các chính sách cụ thể, bên cạnh các chính sách thành công, đem lại lợi ích cho sự phát triển của Ấn Độ, một số chính sách vẫn tồn tại hạn chế.

2.5.3. Hàn Quốc

Các quan điểm và chính sách của Hàn Quốc được xây dựng trong mối quan hệ mật thiết với các dự án tái thiết đất nước. Từ góc độ lợi ích, chính sách tăng cường gắn kết với người Hàn ở nước ngoài hài hòa với lợi ích mà chính sách đối ngoại của Hàn Quốc hướng tới. Từ góc độ bản sắc, người Hàn ở nước ngoài kết nối với quê hương thông qua mối liên kết “tinh thần dân tộc” và bản chất “tính đồng nhất dân tộc” vững chắc của người Hàn Quốc nói chung. Về các chính sách cụ thể của Hàn Quốc đối với người Hàn ở nước ngoài, mỗi chính sách có những ưu và nhược điểm khi áp dụng trong thực tiễn.

Tiểu kết: Áp dụng khung phân tích chính sách được xây dựng tại Chương 1, Chương 2 phân tích những chủ trương, chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của những nước này trong giai đoạn từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay và đánh giá các chính sách đó dựa trên cơ sở của các trường phái lý thuyết liên quan.

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

3.1. Nhận xét và bài học kinh nghiệm

3.1.1. So sánh đặc điểm cộng đồng và chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc

3.1.1.1. *Đặc điểm cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc:* Cộng đồng người Hoa ở nước ngoài là lớn nhất trong ba nước. Cộng đồng kiều dân và công dân ở nước ngoài của cả ba nước đều hình thành từ sớm, trong đó Trung Quốc có cộng đồng di cư ra nước ngoài từ sớm nhất. Cộng đồng người Hoa ở nước ngoài tập trung tại Đông Nam Á (khoảng 75%) còn cộng đồng người Ấn và người Hàn tương đối phân tán.

3.1.1.2. *So sánh chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc:* Trung Quốc và Ấn Độ hình thành chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài sớm hơn Hàn Quốc, ba nước đều coi trọng nguồn lực của cộng đồng ở nước

ngoài và ban hành nhiều chính sách nhằm gắn kết và đảm bảo lợi ích thiết thân cho họ. Tuy nhiên, các chính sách cụ thể của từng nước có một số khác biệt.

3.1.2. Bài học kinh nghiệm:

Coi trọng kiều dân và công dân ở nước ngoài của mình; chính sách tăng cường gắn kết với cộng đồng ở hải ngoại nhằm phát huy nguồn lực kinh tế, khoa học công nghệ, chính trị văn hóa; chính sách được xây dựng phù hợp với lợi ích quốc gia và đặc điểm của cộng đồng, tuy nhiên vẫn tồn tại bất cập trong triển khai.

3.2. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

3.2.1. Cơ sở khuyến nghị chính sách

3.2.1.1. Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài của Việt Nam

Tình hình cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài: Đến nay có khoảng 5,3 triệu người Việt Nam tại hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp thế giới. Đa số NVNONN có ý thức dân tộc, tình cảm gắn bó với quê hương đất nước, mong muốn Việt Nam có môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững.

Chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài của Việt Nam: Chính sách của Việt Nam hướng tới củng cố đại đoàn kết dân tộc và tạo điều kiện để huy động nguồn lực của NVNONN. Những văn bản chỉ đạo quan trọng nhất được áp dụng hiện nay là Nghị quyết 36-NQ/TW năm 2004 về công tác đối với NVNONN, Kết luận số 12-KL/TW năm 2021 về công tác NVNONN.

Đánh giá chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài: Việt Nam đã từng bước bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách đối với cộng đồng NVNONN, tuy nhiên, một số chính sách khi triển khai vẫn tồn tại bất cập, như về vấn đề quốc tịch, vấn đề nhà ở, chính sách phát huy nguồn lực NVNONN.

3.2.1.2. Những điểm tương đồng và khác biệt chủ yếu giữa Việt Nam

và *Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ*

Những điểm tương đồng: Kiều dân và công dân ở nước ngoài của 4 nước đều có lịch sử hình thành lâu đời, di cư trong nhiều giai đoạn với nhiều hoàn cảnh khác nhau. Tư duy của các nhà hoạch định chính sách đều coi cộng đồng này là bộ phận gắn bó chặt chẽ với đất nước trên nhiều mặt, là nguồn lực quý, đóng vai trò quan trọng đối với quê hương. Các nước đều mang những đặc điểm của nền văn hóa phương Đông với tinh thần đoàn kết và tình yêu quê hương. Ngoài ra, Việt Nam và Trung Quốc còn có một số điểm tương đồng về thể chế chính trị.

Những điểm khác biệt: Giữa Việt Nam và các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ tồn tại một số khác biệt về thành phần, tính chất cộng đồng, tiềm lực, vị thế đất nước, môi trường làm việc, đầu tư, kinh doanh.

3.2.1.3. Bối cảnh tác động tới công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2023-2030

Bối cảnh quốc tế, khu vực: Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng, thiệt hại kinh tế từ cuộc xung đột ở Ukraine sẽ góp phần làm tăng trưởng toàn cầu chậm lại đáng kể. Trong quan hệ quốc tế, hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét.

Định hướng phát triển và chủ trương về công tác đối với NVNONN của Việt Nam đến năm 2030: Đến năm 2025: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; Đến năm 2030: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Việt Nam chủ trương coi cộng đồng NVNONN là bộ phận không tách rời và là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Chính sách đối với NVNONN sẽ hướng tới đại đoàn kết và thu hút nguồn lực NVNONN.

Xu hướng phát triển của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài:

Cộng đồng NVNONN sẽ tiếp tục ổn định, hội nhập sâu vào xã hội sở tại. Xu hướng du học sinh quay về, kiều bào trẻ về nước lập nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, đầu tư, kinh doanh, hoạt động văn hóa, nghệ thuật... ngày càng trở nên rõ nét. Tuy nhiên, xu hướng trẻ hóa cơ cấu, thành phần cộng đồng NVNONN cũng đặt ra thách thức về việc mai một dần các giá trị truyền thống và ngôn ngữ dân tộc.

3.2.2. Khuyến nghị chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài

3.2.2.1. Chiến lược về chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài: Việt Nam nên kết hợp hài hòa các chính sách tăng cường liên hệ, đảm bảo lợi ích cho kiều bào và phát huy nguồn lực NVNONN; tận dụng vị thế ở khu vực và trên trường quốc tế để thúc đẩy hợp tác trên lĩnh vực công tác kiều vụ.

3.2.2.2. Chính sách tăng cường mối liên hệ và đảm bảo lợi ích đối với người Việt Nam ở nước ngoài: Cần tiếp tục công tác đại đoàn kết, hoà hợp dân tộc, trong đó tranh thủ các nhân tố tích cực, có ảnh hưởng trong cộng đồng trong công tác này, giải quyết các vấn đề do lịch sử để lại trên tinh thần cởi mở; cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách liên quan đến những lợi ích thiết thân của kiều bào, xây dựng chính sách phù hợp cho từng bộ phận NVNONN.

3.2.2.3. Chính sách phát huy nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài

Nguồn lực kinh tế: Việt Nam cần cải thiện thủ tục hành chính ở trong nước, tăng cường ưu đãi cho các nhà đầu tư kiều bào, thu hút đầu tư gián tiếp như trái phiếu kiều bào và ngân hàng kiều bào, trở thành trung gian trong hợp tác giữa mạng lưới các doanh nhân kiều bào với các đơn vị sản xuất trong nước để thúc đẩy xuất khẩu hàng Việt Nam ra nước ngoài, đặc biệt tại các nơi Việt Nam đã ký hiệp định thương mại tự do.

Nguồn lực tri thức: Việt Nam nên thúc đẩy tuần hoàn chất xám, thu hút nhân lực NVNONN chất lượng cao từ xa, tham khảo kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc tăng cường hợp tác công – tư và nghiên cứu

kinh nghiệm của Trung Quốc, Ấn Độ để xây dựng chính sách trọng dụng – trọng đãi phù hợp.

Nguồn lực mềm: Việt Nam cần có chính sách tổng thể về nhu cầu của trong nước, thể chế phối hợp giữa các cơ quan và nguồn kinh phí để phát huy sự đóng góp của NVNONN như một nguồn lực mềm của đất nước thông qua các vai trò là “đại sứ” văn hóa và cầu nối quan hệ giữa Việt Nam với nước sở tại và các tổ chức quốc tế.

Tiểu kết: chương 3 đã so sánh đặc điểm cộng đồng và chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc và rút ra bài học để chất lọc áp dụng cho Việt Nam.

KẾT LUẬN

Luận án tập trung phân tích chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của các trường hợp điển hình là Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc và khuyến nghị chính sách đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cho Việt Nam.

Luận án đã phân tích, làm rõ một số vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài, xây dựng khung phân tích để áp dụng trong nghiên cứu chính sách của các nước Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc. Luận án cũng đã làm rõ nội dung và quá trình triển khai chính sách đối với kiều dân và công dân ở nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc với một số vấn đề cốt lõi và thành công, hạn chế của từng trường hợp được nghiên cứu. Trên cơ sở chất lọc bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc, cùng bối cảnh trong nước, quốc tế, Luận án đưa ra khuyến nghị chính sách về NVNONN dành cho Việt Nam nhằm tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc và phát huy nguồn lực NVNONN cho sự phát triển của Việt Nam.

DANH MỤC
CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Huyền Trang (2021), “Mobilizing Diaspora Resources for Development in The New Situations: Opportunities, Challenges and Implications for Vietnam”, International Conference Proceedings “The Security and Development issues in The New Situations”, tr313-338.
2. Nguyễn Huyền Trang (2022), “The relations between diaspora and home country during and post COVID-19 pandemic: the case of Vietnam”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “COVID-19 và Quan hệ Quốc tế”, tr270-297.